

CUỐN SÁCH “KIÊN QUYẾT, KIÊN TRÌ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC, GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐẢNG NHÀ NƯỚC NGÀY CÀNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH” CỦA CỐ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG LUẬN CỨ ĐỂ NHẬN THỨC THỐNG NHẤT VÀ HIỂU RÕ MỤC TIÊU, CÁCH THỨC TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

TS. NGÔ VĂN HƯỜNG

Trường đại học Mở - Địa chất

Tóm tắt: Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là tư tưởng xuyên suốt, nhất quán của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng từng bước hoàn thiện nhận thức về tác hại, nguyên nhân và chỉ đạo phương pháp đấu tranh nhằm hạn chế tối đa tình trạng tham nhũng, tiêu cực. Đặc biệt, từ năm 2013 khi Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng do cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đứng đầu ra đời, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã thể hiện mạnh mẽ và quyết liệt hơn. Từ cuốn sách “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh”, chúng tôi đi vào khái quát và làm rõ quan điểm của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về mục đích; nhận diện đúng và toàn diện; biện pháp để đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hiệu quả, làm luận cứ, luận chứng cho công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Tham nhũng, tiêu cực; Bảo vệ Đảng; Bảo vệ chế độ;

MỞ ĐẦU

Tại Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đại hội VII tháng 1/1994, Đảng nhận định tham nhũng là một trong bốn nguy cơ đối với Đảng và cách mạng Việt Nam, đến Đại hội IX, Đảng một lần nữa nhấn mạnh tham nhũng là “một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta”¹. Đại hội XIII, Đảng xác định “tham nhũng vẫn là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ”². Bởi vậy, phòng chống tham nhũng, tiêu cực được coi là nhiệm vụ quan trọng, là cách chủ yếu bảo vệ Đảng bảo vệ chế độ. Tham nhũng là hiện tượng gắn liền với chế độ xã hội có giai cấp, là một trong những nguyên nhân chính có thể dẫn đến sự sụp đổ của chế độ trong bất kỳ chế độ xã hội nào khi nó còn xuất hiện và tồn tại. Vì vậy, phòng, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng đặt ra và đòi hỏi

thực hiện quyết liệt của Đảng và toàn hệ thống chính trị. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn có những sự hiểu biết chưa thống nhất, vẫn còn đâu đó sự e ngại, cuốn sách của cố Tổng Bí thư, người đứng đầu cơ quan chống tham nhũng (giai đoạn 2013-2024) chính là luận cứ quan trọng là bản hướng dẫn sát với thực tiễn và chi tiết cho công tác này trong giai đoạn hiện nay của chúng ta.

NỘI DUNG

Phòng, chống tham nhũng tiêu cực, xử lý vi phạm về tham nhũng tiêu cực đảm bảo sự trong sạch vững mạnh của Đảng là tư tưởng nhất quán, xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh và quá trình lãnh đạo của Đảng trong suốt chiều dài cách mạng Việt Nam. Để thực hiện được nhiệm vụ này cần phải có sự thống nhất trong nhận thức, cách thức thực hiện vì vậy Ban Nội chính Trung ương phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật trong năm 2023 cho ra đời cuốn sách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, người đứng đầu Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng, tiêu cực khi đó với tựa đề: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng chống tham nhũng tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch vững mạnh” với mục tiêu là hiện thực hóa quan điểm của Đảng, thống nhất nhận thức, hành động, hệ thống hóa chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, tiêu cực, giúp các ngành các cấp, các địa phương, các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và nhân dân nắm vững quán triệt và triển khai có hiệu quả công tác quan trọng này.

Từ nội dung của cuốn sách có thể khái quát những chỉ đạo, thống nhất về nhận thức làm căn cứ cho công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên các phương diện sau:

Thứ nhất, thống nhất nhận thức về mục đích của công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực

Tham nhũng, tiêu cực và xử lý hành vi tham nhũng,

tiêu cực là vấn đề nhạy cảm, phức tạp. Tính nhạy cảm, phức tạp bởi lẽ người có hành vi tham nhũng, tiêu cực là những người có “chức vụ, quyền hạn” dùng nó để vụ lợi. Chống tham nhũng, tiêu cực chính là chúng ta chống, xử lý những người đã từng là đồng chí, đồng đội của mình có sự biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống. Nếu không thống nhất và hiểu cặn kẽ tất sẽ dẫn đến những e ngại trong chính những người thực hiện công tác này. Xử lý tham nhũng, tiêu cực nếu không thống nhất nhận thức về mục đích tất yếu sẽ dẫn đến những suy diễn, những xuyên tạc từ người ngoài đảng, ngoài bộ máy nhà nước, cho rằng đó là sự thanh trừng phe phái sự đấu đá nội bộ. Trong cuốn sách, cố Tổng Bí thư đã chỉ rõ: “Mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhằm trong sạch Đảng và bộ máy nhà nước, để phát triển đất nước. Đây là cuộc đấu tranh chống giặc nội xâm, không phải là cuộc đấu giữa các “phe cánh” hay “đấu đá nội bộ” như có người không hiểu hoặc cố tình xuyên tạc với động cơ sai, dụng ý xấu”³. Mục đích của việc xử lý tham nhũng, tiêu cực như lời của cố Tổng Bí thư là để “trị bệnh, cứu người”, kỷ luật một vài người để cứu muôn người, truy tố một vụ để cảnh tỉnh cả một vùng, một lĩnh vực; từ đó để cảnh báo, răn đe, giáo dục, phòng ngừa là chính”⁴. Với khẳng định này không chỉ là căn cứ, động lực, thêm bản lĩnh và niềm tin để những người đang thực hiện công tác phòng, chống, xử lý tham nhũng mà còn khẳng định tính khách quan của công tác này cho những người chưa hiểu rõ, những người đang muốn xuyên tạc chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác này.

Thứ hai, muốn phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý được tham nhũng, tiêu cực phải nhận diện đúng về tham nhũng, tiêu cực

Một trong những nguyên tắc phương pháp luận duy vật biện chứng quan trọng là muốn cải tạo được sự vật, hiện tượng phải có cái nhìn toàn diện về nó, hiểu rõ bản chất của nó. Đối với nhiệm vụ phòng, chống xử lý tham nhũng, tiêu cực cũng vậy. Để làm được, làm tốt trước hết phải nhận diện đúng, toàn diện về tham nhũng, tiêu cực. Tức là phải trả lời được câu hỏi tham nhũng, tiêu cực là gì; ai là người có khả năng tham nhũng tiêu cực? Tham nhũng, tiêu cực về những gì, nguyên nhân là từ đâu? Tác hại là gì? Phòng, chống những cái gì? Trong cuốn sách, cố Tổng Bí thư đã chỉ rõ tham nhũng chính là “khuyết tật bẩm sinh” của quyền lực. Trong quan điểm Hồ Chí Minh tham nhũng là “ăn cắp của công làm của tư”. Theo công ước Liên hợp quốc, tham nhũng là sự lợi dụng quyền lực của nhà nước để trục lợi riêng. Còn theo Luật Phòng

chống tham nhũng năm 2018 của chúng ta tham *những là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ quyền hạn* đó vì vụ lợi. Tiêu cực có ngoại diện rộng hơn, tham nhũng chỉ là một loại hành vi trong số tiêu cực.

Với tư cách người đứng đầu cơ quan chống tham nhũng, cố Tổng Bí thư cũng chỉ rõ *người có khả năng tham nhũng, tiêu cực cần phải phòng, chống là người có chức vụ, quyền hạn*. Trong mối quan hệ giữa tham nhũng, tiêu cực thì tiêu cực mà quan trọng nhất là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống là nguyên nhân dẫn đến tham nhũng. Tiêu cực là môi trường làm nảy sinh tham nhũng, còn tham nhũng tác động trở lại làm trầm trọng hơn tình trạng tiêu cực.

Từ việc xác định mối quan hệ giữa tham nhũng và tiêu cực cố Tổng Bí thư đã chỉ ra việc phòng, chống tham nhũng là phòng, chống cái gì? Trước tiên và quan trọng nhất là phòng chống tiêu cực. Tiêu cực là gốc rễ làm nảy sinh tham nhũng vì vậy “phòng, chống tiêu cực mà trọng tâm là phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức là trị tận gốc của tham nhũng”⁵. Từ việc chỉ ra nguồn gốc tham nhũng sẽ là căn cứ để chúng ta xác định khách thể của tham nhũng để phòng chống. Phòng chống tham nhũng không chỉ là phòng chống sự vụ lợi về tiền bạc, tài sản của người có chức vụ, quyền hạn mà phải phòng, chống sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Bởi theo tác giả, trong tham nhũng tiền bạc có thể còn thu hồi được nhưng nếu suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống thì mất tất cả. Trước đây chống tham nhũng lãng phí chủ yếu tập trung vào các hành vi: tham ô, chiếm đoạt, nhận hối lộ, đưa hối lộ, làm thất thoát tài sản nhà nước, nay còn mở rộng ra cả khu vực ngoài nhà nước. Phòng, chống tham nhũng phải được thực hiện theo nguyên tắc “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai” và người thực thi công tác phòng, chống tham nhũng “không chịu sức ép của bất kỳ cá nhân nào”. Đây được coi là cách nhìn toàn diện về tham nhũng tiêu cực, những gợi ý của Tổng Bí thư chính là căn cứ quan trọng nhất cho những người đang thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, cũng như toàn thể chúng ta khi nhìn nhận và thực hiện công tác này.

Thứ ba, phương thức, cách thức phòng chống tham nhũng

Từ xác định về mục đích, nhận diện toàn diện về tham nhũng cuốn sách của cố Tổng Bí thư tiếp tục trang bị cho chúng ta về cách thức phòng, chống tham nhũng ở giai đoạn hiện nay. Ở tầm vĩ mô, **Một là**, phải huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong

phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thực hiện thành công mục tiêu, tránh được sự lợi dụng công tác này để tiêu diệt bè phái, chia rẽ nội bộ; sự đồng tình, ủng hộ, hưởng ứng tham gia tích cực của nhân dân và cả hệ thống chính trị, báo chí là sức mạnh và động lực to lớn để thực hiện thành công mục tiêu phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Về phương hướng phòng là chính, chống là quan trọng; Về biện pháp, dựa vào dân, lắng nghe dân, lắng nghe dư luận để chọn lọc, tiếp thu cái đúng, phải động viên quần chúng, phải thực hành dân chủ, làm cho quần chúng hiểu rõ, hăng hái tham gia mới chắc chắn thành công. **Hai là**, hoàn thiện cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để không thể tham nhũng, tiêu cực. Hoàn thiện cơ chế phòng chống tham nhũng, tiêu cực chính là trang bị công cụ, chế tài để nâng cao tính răn đe, xử lý khi có vi phạm, trong đó quan trọng nhất là hoàn thiện các quy định về phòng chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa, trong nội bộ.

Đối với cả hệ thống chính trị, cơ quan thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng và người dân. **Một là**, tăng cường công khai, minh bạch, giám sát, kiểm soát quyền lực; xây dựng văn hóa liêm chính, tiết kiệm để không muốn, không cần tham nhũng tiêu cực. **Hai là**, từng bước mở rộng hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực khu vực ngoài nhà nước, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng. **Ba là**, phải tổng kết thực tiễn đúc rút ra những bài học có giá trị để củng cố thêm bản lĩnh và niềm tin. **Bốn là**, phải xác định công cuộc phòng, chống tham nhũng là một quá trình lâu dài và liên tục, vì vậy công tác này phải có những bước tiến mới, quyết liệt hơn, mạnh mẽ hơn và hiệu quả hơn.

KẾT LUẬN

Tham nhũng, tiêu cực là vấn nạn trong mọi xã hội có giai cấp, đe dọa sự tồn vong của chế độ. Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, vấn nạn này vẫn tồn tại gây nhức nhối và đe dọa trực tiếp đến sự tồn tại của Đảng, của chế độ. Nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được Đảng coi trọng và thực hiện trong suốt quá trình lãnh đạo. Năm 2013, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng ra đời dưới sự chỉ đạo của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thể hiện sự quyết tâm của Đảng, người đứng đầu Đảng đối với công tác này. Bằng kinh nghiệm thực tiễn, cố Tổng Bí thư đã có những bài viết, những phát biểu, chỉ đạo quyết liệt, những bài viết, những phát biểu được trình bày cuốn sách nhằm hệ thống hóa chỉ đạo, làm

cơ sở, căn cứ cho công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho các cấp, các ngành, các địa phương và các tổ chức cơ sở đảng. Cuốn sách đưa đến cho chúng ta nhận thức thống nhất, đúng, toàn diện cũng như phương pháp biện pháp đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, ghi nhận sự tin tưởng đồng tình của toàn hệ thống chính trị, toàn dân và sự ghi nhận đánh giá cao của cộng đồng quốc tế. Tư tưởng, thống nhất, xuyên suốt của Đảng, của cố Tổng Bí thư cùng những chỉ đạo, định hướng và kết quả đạt được trong thời gian qua chính là những luận cứ, luận chứng quan trọng để chúng ta tiếp tục thực hiện công tác này trong thời gian tới như một nhiệm vụ quan trọng để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tập 60, tr.72.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr. 93.
3. Nguyễn Phú Trọng, Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và nhà nước ta ngày càng trong sạch vững mạnh, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2023, tr.14.
4. Nguyễn Phú Trọng, Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và nhà nước ta ngày càng trong sạch vững mạnh, sdd, tr.24.
5. Nguyễn Phú Trọng, Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và nhà nước ta ngày càng trong sạch vững mạnh, sdd, tr.16.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2021.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2021.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
4. Nguyễn Phú Trọng, Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và nhà nước ta ngày càng trong sạch vững mạnh, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2023.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

HOÀNG THỊ HẠNH

Đại Học Bách khoa Hà Nội

Tóm tắt: Kinh tế số đã và đang được nhiều quốc gia trên thế giới triển khai, phát triển, trong đó có Việt Nam. Bài viết trình bày bản chất, vai trò kinh tế số; tổng quát quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về kinh tế số và phân tích thực trạng từ đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế số ở Việt Nam nhằm đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Từ khóa: Kinh tế số; chuyển đổi số; Đảng Cộng Sản Việt Nam về kinh tế số; phát triển kinh tế số.

Summary: Digital economy has been deployed and developed by many countries in the world, including Vietnam. The article presents the nature and role of digital economy; summarizes the viewpoint of the Communist Party of Vietnam on digital economy and analyzes the current situation, thereby proposing some key solutions to develop digital economy in Vietnam to bring the country into the era of national development.

Keywords: Digital economy; digital transformation; Communist Party of Vietnam on digital economy; digital economy development.

1. Đặt vấn đề

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đánh dấu sự phát triển vượt bậc trong việc sử dụng công nghệ số vào đời sống xã hội, đặc biệt là các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Chính vì thế, kinh tế số đang được nhiều quốc gia triển khai, phát triển trong đó có Việt Nam. Đại hội XIII của Đảng khẳng định “Kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn”¹. Phát triển kinh tế số là cơ hội vàng để Việt Nam thu hẹp khoảng cách với các quốc gia khác.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Kinh tế số - mô hình phát triển chung của thời đại

Kinh tế số - theo nhóm cộng tác kinh tế số Oxford - là “một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số”². Có

thể coi kinh tế số là một phần của nền kinh tế quốc dân, hoạt động bằng cách sử dụng công nghệ số và dữ liệu số để tạo ra những mô hình, cách thức sản xuất, kinh doanh mới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ số hoặc hỗ trợ cung cấp dịch vụ số cho các doanh nghiệp, với sự hội tụ nhiều công nghệ hiện đại mà nền tảng là công nghệ thông tin và viễn thông (ITC). Trong kinh tế số, các doanh nghiệp đổi mới quy trình sản xuất, kinh doanh sang mô hình “hệ sinh thái số” làm cho nền kinh tế thay đổi cả về phương thức sản xuất và cấu trúc kinh tế. Bên cạnh các nguồn lực truyền thống còn có nguồn lực mới là tài nguyên số, của cải số, hạ tầng băng thông rộng. Kinh tế số tạo ra quy mô và tốc độ tăng trưởng cho các quốc gia, giúp các quốc gia phát triển bền vững hơn. Với chi phí thấp, kinh tế số cũng tạo cơ hội cho nhiều người hơn qua đó góp phần giảm khoảng cách giàu nghèo.

Nắm bắt tầm quan trọng đặc biệt của kinh tế số, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đưa ra nhiều chủ trương, đường lối phát triển kinh tế số ở nước ta.

2.2. Đảng Cộng Sản Việt Nam về nhận thức và phát triển kinh tế số

Ngay từ những năm đầu thế kỷ XXI, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đưa ra một số nghị quyết để chuẩn bị cho việc xây dựng và phát triển nền kinh tế số, như “Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01-7-2014 của Bộ Chính trị khóa XI, về đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế” cho rằng, công nghệ thông tin là cơ sở, nền tảng và công cụ hữu hiệu trong việc giải quyết mọi vấn đề của kinh tế hiện đại. Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị đã ra “Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” đã xác định phát triển kinh tế số là trụ cột, nhiệm vụ trọng tâm, chiến lược trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia những năm tiếp theo.

Đại hội XIII của Đảng có thể nói là Đại hội về chuyển

đổi số, kinh tế số. Đại hội khẳng định: “Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”³. Chủ trương chung của Đại hội XIII là “thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số, đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số”⁴. Đại hội cũng đề ra chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 2021-2030 khoảng 7%/năm trong đó kinh tế số đạt khoảng 30% GDP⁵.

Quan điểm của Đảng cộng Sản Việt Nam về kinh tế số nói lên sự thay đổi lớn về nhận thức, về tầm nhìn và sứ mệnh của Đảng trong cách thức vận hành nền kinh tế hiện đại phù hợp với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tuy nhiên, đây mới chỉ là những chủ trương mang tính định hướng ở tầm chiến lược, để hiện thực hóa những chủ trương đó, cần có một lộ trình cụ thể và thực hiện những giải pháp phù hợp.

2.3. Thực trạng phát triển kinh tế số ở Việt Nam

Khi kinh tế số được đưa vào chương trình nghị sự quốc gia, cũng là lúc phát sinh dịch bệnh Covid-19. Dịch bệnh thế kỷ này đã tác động sâu rộng đến đời sống nhân dân, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và nhiều ngành nghề khác, đặc biệt là lưu thông hàng hóa. Chính ở thời điểm đặc biệt đó tư duy năng động, sáng tạo có cơ hội phát huy để phát triển kinh tế số. Lĩnh vực nổi bật trong phát triển kinh tế số ở thời điểm này là thương mại điện tử. Theo thống kê của Bộ Công Thương, năm 2020, số lượng người tham gia mua sắm trực tuyến là 49,3 triệu người, tăng gần 51% so với năm 2016, năm 2021 là 54,6 triệu người, năm 2022 khoảng 57- 60 triệu người. Cũng theo báo cáo này, năm 2021 tốc độ tăng trưởng thị phần bán lẻ trực tuyến của Việt Nam nằm trong nhóm ba quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất của khu vực Đông Nam Á. Đến năm 2022, Việt Nam là quốc gia đứng đầu Đông Nam Á về tốc độ tăng trưởng kinh tế số⁶. Đóng góp kinh tế số vào GDP năm 2022 tăng 2,35 % so với năm 2021, trong đó kinh tế số ICT đóng góp 50,644%, tiếp theo là kinh tế số ngành/ Lĩnh vực là 30,54% và kinh tế số nền tảng là 18,82%. Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số SMEDx cũng

có sự thay đổi lớn, tăng từ 16.000 doanh nghiệp năm 2021 lên 77.000 doanh nghiệp năm 2022⁷.

Theo báo cáo của Bộ Công Thương, năm 2023, quy mô thị trường thương mại điện tử bán lẻ tăng 25% so với năm 2022. Theo thống kê của “Công ty nghiên cứu thị trường và tư vấn” tháng 1/2024, Việt Nam được ghi nhận là một trong 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử dẫn đầu Đông Nam Á.

Việt Nam là một trong những quốc gia thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp lớn vào lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông. Theo số liệu trong báo cáo phục vụ Hội nghị Giao ban quản lý nhà nước quý 1/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông, tính đến hết tháng 2/2023, doanh thu công nghiệp ICT tăng trưởng 5% so với cùng kỳ. Công nghệ Blockchain và trí tuệ nhân tạo đang ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực tài chính, logistics, y tế, giáo dục, v.v. tạo cơ hội phát triển kinh tế số và minh bạch hóa thông tin.

Với lợi thế “dân số vàng” và tỷ lệ người dùng internet gia tăng cao, Việt Nam có thị trường tiềm năng lớn cho các sản phẩm và dịch vụ vận hành kinh tế số. Sự phổ biến smartphone và Internet đã tạo ra thị trường thương mại điện tử phát triển, cung cấp nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư. Việt Nam hiện có khoảng 30 nghìn doanh nghiệp phần cứng, phần mềm, nội dung số, các dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, 10 nghìn doanh nghiệp công nghệ phần mềm với tốc độ tăng trưởng khoảng 15 - 20%/năm, hơn 50 công ty công nghệ tài chính cung cấp dịch vụ thanh toán tiền gửi và tiền điện tử. Các doanh nghiệp vận tải cũng ra mắt nhiều ứng dụng để cạnh tranh như Grab, Uber, FastGo, Be, VATO.

Thêm vào đó, mạng lưới hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin và internet phát triển nhanh, bao phủ rộng. Ba mạng điện thoại di động lớn Viettel, VNPT, Mobifone đã thử nghiệm dịch vụ 5G, đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia đầu tiên trên thế giới tiếp cận công nghệ này - đây là điều kiện cơ bản góp phần thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế số⁸.

Những con số thống kê trên chứng tỏ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đang trở thành một trong những quốc gia có tiềm năng phát triển kinh tế số nhanh và mạnh. Tuy nhiên, bên cạnh đó, kinh tế số ở Việt Nam hiện nay còn tồn tại một số hạn chế như: hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông

còn hạn chế ở một số khu vực, đặc biệt là nông thôn và miền núi; Còn nguy cơ tấn công mạng, vi phạm bảo mật thông tin và tội phạm trực tuyến; Tồn tại tình trạng thiếu nhân lực chất lượng cao; Môi trường thể chế và pháp lý cho phát triển kinh tế số còn chưa thật chặt chẽ, chưa đồng bộ, thiếu tính minh bạch và kiến tạo.

Từ những phân tích trên cho thấy, hiện nay, kinh tế số đang là một “sức mạnh mềm” tác động thường xuyên và tất yếu làm thay đổi toàn diện đời sống xã hội. Để phát huy những thành tựu khắc phục những hạn chế, chúng ta phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để đưa Việt Nam tiếp cận nhanh với kinh tế toàn cầu.

2.4. Một số giải pháp cơ bản phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay

Quán triệt quan điểm đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và để thực hiện có kết quả các chủ trương, đường lối về phát triển kinh tế số của Đảng, theo chúng tôi, cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó, cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam, đặc biệt là phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới công nghệ cao. Cần đổi mới cơ chế, chính sách quản lý khoa học công nghệ, huy động các nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ. “Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ”⁹. Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, tạo hành lang pháp lý và động lực thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, kinh tế số.

Thứ hai, hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số

Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển từ gia công, lắp ráp sang thiết kế, chế tạo sản phẩm trên cơ sở làm chủ công nghệ, nhất là công nghệ số trong sản xuất và quản lý sản xuất. Hình thành văn hóa chấp nhận và thử nghiệm cái mới, làm điểm sau đó nhân rộng; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo. Cần nghiên cứu những cách làm và phương

pháp tiếp cận vấn đề thực tiễn của thế giới để tăng cường “cách tiếp cận Sandbox” trong việc thành lập các tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu. Phát triển “Hệ sinh thái số”, trong đó thương mại điện tử chiếm vị trí quan trọng quyết định sự vận hành và tính hiệu quả của kinh tế số.

Thứ ba, Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật số

Chuẩn bị nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế số là một nhiệm vụ có tính chiến lược hàng đầu. Do vậy, chương trình giáo dục cần phải cải cách theo hướng phát triển tư duy sáng tạo, đưa vào chương trình giáo dục phổ thông các nội dung kỹ năng số. Đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số, khuyến khích các mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên nền tảng số. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo công nghệ số. Đào tạo và đào tạo lại nghề cho người lao động trong quá trình chuyển đổi, phát triển kinh tế số. Thực hiện lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho người dân, đặc biệt là trong các doanh nghiệp.

Thứ tư, tăng cường an ninh và bảo mật thông tin trên không gian mạng

Kinh tế số khác với các loại hình kinh tế truyền thống là chủ yếu dựa trên nền tảng số, mà điểm tựa chính là công nghệ thông tin và truyền thống với hệ sinh thái số, do vậy, vấn đề thông tin và bảo mật thông tin đóng vai trò quan trọng. Làm tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh trên không gian mạng sẽ tạo tiền đề thực hiện tốt các nhiệm vụ khác. Do vậy, toàn Đảng, toàn dân phải ra sức giữ gìn an toàn thông tin, không để kẻ xấu phát tán tài liệu, tung tin thất thiệt tổn hại lợi ích quốc gia, doanh nghiệp, cá nhân và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Việc tăng cường an ninh và bảo mật thông tin trên không gian mạng trong kinh tế số liên quan đến hoạt động đối ngoại. Do vậy, “độc lập tự chủ đồng nghĩa với việc mọi quyết định phải trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc và các nguyên tắc chung của cộng đồng quốc tế..., kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo sức mạnh tổng hợp, qua đó giúp củng cố độc lập, tự chủ.”¹⁰.

3. Kết luận

Chuyển đổi từ nền kinh tế truyền thống sang kinh tế số là một chủ trương lớn, đồng thời là bước ngoặt trong nhận thức

của Đảng Cộng Sản Việt Nam, thể hiện tầm nhìn xa và sứ mệnh to lớn mà Đảng đang gánh vác. Với tư duy biện chứng duy vật, dựa trên thực tiễn thế giới đang vận động, phát triển theo hướng lấy cách mạng công nghệ thông tin, viễn thông làm đòn bẩy, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đưa ra nhiều chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn, hợp với sự phát triển của thời đại số hóa.

Với những ưu điểm vượt trội của công nghệ hiện đại, kinh tế số sẽ làm thay đổi căn bản nền kinh tế, đời sống xã hội, quản trị quốc gia trên mọi phương diện. Kinh tế số không chỉ tạo ra quy mô, tốc độ tăng trưởng cho đất nước, mà còn giúp Việt Nam tăng trưởng nhanh và bền vững hơn. Tuy nhiên, cùng với việc thay đổi tư duy thì cũng cần phải thực hiện nhất quán, đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó nhấn mạnh việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để vận hành kinh tế số cũng như đón đầu những thay đổi trong sản xuất, kinh doanh của mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra. Bằng lợi thế của thời điểm “dân số vàng”, nguồn nhân lực trẻ năng động, sáng tạo, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng những bước đi phù hợp trong cải cách bộ máy hành chính, Việt Nam chắc chắn đảm bảo quá trình phát triển nhanh, bền vững, bắt kịp với các nước tiên tiến trong khu vực và quốc tế để bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

1. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, 2021, tập 1, tr. 207.
2. Bùi Kim Thanh (2021), Phát triển kinh tế số ở Việt Nam, <https://tuyengiao.vn/dua-ngghi-quyet-cua-dang-vao-cuoc-song/phot-trien-kinh-te-so-o-viet-nam-134586>, Thứ Hai, 26/7/2021.
3. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, 2021, tập 1, tr.46.
4. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, 2021, tập 1, tr.225.
5. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại

biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, 2021, tập 1, tr.219.

6. Bộ Công Thương (2022), Sách trắng thương mại điện tử Việt Nam 2022, Nxb. Công Thương.

7. Xem: Bộ Công Thương (2022), Báo cáo tóm tắt tổng kết công tác năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023, Nxb. Truyền thông và Thông tin.

8. Xem: Ban kinh tế Trung ương (2024), Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế số tại Việt Nam, <https://kinhtetrungguong.vn/thuc-trang-va-giai-phap-phat-trien-kinh-te-so-tai-viet-nam>, cập nhật 21/06/2024.

9. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, 2021, tập 1, tr.226.

10. Nguyễn Phú Trọng (2023): Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật, tr. 46-47.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban kinh tế Trung ương (2024), *Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế số tại Việt Nam*, <https://kinhtetrungguong.vn/thuc-trang-va-giai-phap-phat-trien-kinh-te-so-tai-viet-nam>, cập nhật 21/06/2024.
2. Bùi Kim Thanh (2021), *Phát triển kinh tế số ở Việt Nam*, <https://tuyengiao.vn/dua-ngghi-quyet-cua-dang-vao-cuoc-song/phot-trien-kinh-te-so-o-viet-nam-134586>, Thứ Hai, 26/7/2021.
3. Bộ Công Thương (2022), *Sách trắng thương mại điện tử Việt Nam 2022*, Nxb. Công Thương.
4. Bộ Công Thương (2022), *Báo cáo tóm tắt tổng kết công tác năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023*, Nxb. Truyền thông và Thông tin.
5. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, 2021, tập 1.
6. Nguyễn Phú Trọng (2023): *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật, tr. 46-47.

GIAO THÔNG NHƯ MỘT MÃ VĂN HOÁ TRONG TẢN VĂN HÀ NỘI LÀ HÀ NỘI CỦA NGUYỄN TRƯƠNG QUÝ

NGUYỄN TUỆ LÂM

Trường ĐHSP Hà Nội

Tóm tắt: Nghiên cứu văn hóa giao thông trong tản văn “Hà Nội là Hà Nội” của Nguyễn Trương Quý (NXB Trẻ, 2024) qua đó phân tích cách tác giả khắc họa đời sống giao thông đô thị Hà Nội như một phần không thể thiếu trong bức tranh tổng thể về Thành phố. Bằng việc khảo sát các hình ảnh, chi tiết về giao thông, bài viết chỉ ra rằng giao thông không chỉ là đi lại, di chuyển mà còn là yếu tố phản ánh sự chuyển mình của Hà Nội trong nhịp sống hiện đại. Những mô tả về cảnh vật, con người, tình huống giao thông đặc trưng của Hà Nội giúp làm nổi bật nét văn hóa đô thị, từ đó mở ra một cách nhìn mới về mối quan hệ giữa văn hóa và giao thông trong các đô thị lớn.

1. Đặt vấn đề

Văn hóa giao thông, mặc dù là một khía cạnh quan trọng trong đời sống đô thị, nhưng lại ít được nghiên cứu một cách toàn diện trong văn học Việt Nam. Giao thông không chỉ đơn thuần là sự di chuyển của con người từ điểm này đến điểm khác, mà nó còn là biểu hiện của những giá trị văn hóa, xã hội và cảm thức cộng đồng. Trong các thành phố lớn, như Hà Nội, giao thông trở thành một phần không thể thiếu trong bức tranh sinh động về đời sống đô thị. Những tuyến phố tắc nghẽn, những phương tiện chen chúc, và các tình huống giao thông trở thành minh họa sống động cho nhịp sống hối hả, căng thẳng của người dân thủ đô. Trong Hà Nội là Hà Nội của Nguyễn Trương Quý, các hình ảnh giao thông được khắc họa một cách tinh tế và gần gũi, như là một phần không thể tách rời trong bản sắc văn hóa Hà Nội. Từ các chi tiết về các ngã tư, những lúc tắc đường, cho đến cách người Hà Nội giao tiếp trong không gian giao thông, tác giả đã khắc họa một bức tranh rõ nét về

cuộc sống đô thị. Tuy nhiên, việc nghiên cứu sâu về văn hóa giao thông trong tác phẩm này đến nay vẫn còn hạn chế, mặc dù đây là một yếu tố đặc biệt quan trọng để hiểu rõ hơn về hình ảnh và bản sắc của Hà Nội. Với bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng và sự thay đổi trong thói quen đi lại của người dân, việc nghiên cứu văn hóa giao thông không chỉ giúp ta nhận diện được những đặc điểm độc đáo trong giao thông đô thị mà còn làm nổi bật những mối quan hệ xã hội, tâm lý và văn hóa trong cộng đồng. Bài viết này sẽ phân tích những khía cạnh văn hóa giao thông trong Hà Nội là Hà Nội, nhằm làm rõ cách mà tác phẩm này phản ánh sự giao thoa giữa giao thông và văn hóa, góp phần làm phong phú thêm hiểu biết về văn hóa đô thị trong văn học hiện đại, ghi nhận, lý giải và phản ánh giao thông không chỉ như một vấn đề kỹ thuật mà còn như một không gian văn hóa, nơi thể hiện thói quen, hành vi, tâm lý và phản ứng xã hội của người dân Thủ đô. Từ đó, hướng tới việc nhận diện những biểu hiện đặc trưng của văn hóa giao thông Hà Nội, bao gồm cả những lệch chuẩn trong ứng xử cộng đồng lẫn những dấu vết của quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Từ việc khảo sát các tản văn trong Hà Nội là Hà Nội của Nguyễn Trương Quý, có thể rút ra một số đặc điểm nổi bật về văn hóa giao thông Hà Nội trong giai đoạn hậu đổi mới.

2.1. Giao thông là gương phản chiếu quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa Hà Nội

Trong tản văn của Nguyễn Trương Quý, giao thông không chỉ đơn giản là hệ thống các con đường hay phương tiện di chuyển, mà chính là một biểu hiện sinh động của quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa Hà Nội.

Những toà nhà, khu chung cư, đô thị mới, các tuyến đường được mở rộng, những cây cầu hiện đại hay sự xuất hiện ngày càng nhiều các loại hình. phương tiện giao thông cá nhân...đều phản ánh sự thay đổi, chuyển biến, phát triển mạnh mẽ của thành phố. Giao thông, từ đó, trở thành yếu tố không thể thiếu trong bức tranh đô thị mới của Hà Nội. Những biểu tượng như cầu Chương Dương không chỉ là thành tựu về hạ tầng, mà còn là dấu ấn của một thành phố đang vươn lên mạnh mẽ, gắn với tinh thần tự lực và khát vọng phát triển của người dân Thủ đô: *...cầu này được chào đón không chỉ giải cơn khát đi lại mà còn vì là công trình “tự lực tự cường”, do cán bộ, công nhân Việt Nam tự thiết kế, thi công. Thế mới oách chứ!*. Cây cầu này, được xây dựng hoàn toàn bởi kỹ sư và công nhân Việt Nam, là minh chứng cho sự thay đổi trong cả tư duy và khả năng của Hà Nội trong công cuộc hiện đại hóa.

Tuy nhiên, trong cái không khí hối hả của sự phát triển này, giao thông cũng phản ánh những mâu thuẫn của quá trình đô thị hóa. Những con đường mới, những cây cầu lớn khiến không gian thành phố trở nên rộng lớn hơn, nhưng cũng đánh dấu sự mất mát của những khu phố xưa cũ, những con đường nhỏ hẹp mà trước đây đã trở thành một phần không thể thiếu trong ký ức của người dân. Sự thay đổi này không chỉ là sự phát triển về mặt vật chất mà còn là sự chuyển giao về văn hóa, phong cách sống và sự tiếp nhận cái mới trong một thành phố đang từng bước trở thành trung tâm phát triển mạnh mẽ của cả nước.

2.2. Sự phát triển hạ tầng chưa đồng bộ dẫn đến hỗn loạn trong đời sống giao thông

Dù Hà Nội đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện và mở rộng hạ tầng giao thông, nhưng sự phát triển này vẫn thiếu sự đồng bộ giữa các khu vực trong thành phố. Các tuyến đường lớn ở khu trung tâm có phần được ưu tiên và phát triển mạnh mẽ, trong khi những khu vực ngoại ô hoặc vùng ven vẫn thiếu sự đầu tư hợp lý: *Hà Nội cũng như Sài Gòn lại quay về cách thức cài cắm các cao ốc thương mại vào khu phố Pháp, nơi có mạng lưới giao*

thông bàn cờ và tương đối mạch lạc, bất chấp hậu quả kẹt cứng vì lưu lượng xe cộ và đường ống, đường cấp liên tục phải duy tu (bằng cách đào bừa quay lô cốt và trồng thêm dây như mạng nhện). Điều này dẫn đến sự chênh lệch rõ rệt trong điều kiện giao thông, tạo ra những “điểm nghẽn” khiến việc di chuyển trở nên khó khăn.

Một vấn đề nổi bật là sự gia tăng nhanh chóng của phương tiện cá nhân, trong khi hạ tầng giao thông không được cải thiện đồng bộ. Tại những khu vực có mật độ dân cư cao, các con đường hiện có thường không thể đáp ứng được nhu cầu giao thông ngày càng lớn. Điều này dẫn đến tình trạng ùn tắc, đặc biệt vào giờ cao điểm, khi mà người dân phải di chuyển trên những tuyến đường nhỏ hẹp, không có lối thoát hiểm: *Mỗi ngày gánh 200.000 lượt xe máy qua lại, đã đạt tới tải trọng thiết kế và có nguy cơ sập bất cứ lúc nào nếu theo những dự báo vào năm 2003.* Việc thiếu các phương tiện giao thông công cộng hoặc các tuyến đường thay thế cũng khiến cho người dân chỉ còn cách sử dụng phương tiện cá nhân, tạo thêm áp lực lên các con đường vốn đã quá tải.

Mặt khác, tốc độ đô thị hóa và sự gia tăng dân số tại Hà Nội cũng đã góp phần làm cho tình trạng giao thông trở nên phức tạp hơn. Mỗi ngày, thành phố phải đối mặt với lượng lớn phương tiện và người dân di chuyển qua các tuyến phố. Hệ thống giao thông công cộng mặc dù có những cải tiến nhưng vẫn chưa đủ đáp ứng nhu cầu của người dân. Vì vậy, sự phát triển không đồng đều giữa các khu vực trong thành phố đã tạo ra một tình trạng hỗn loạn, làm cho giao thông không thể vận hành trôi chảy và hiệu quả.

2.3. Vật chất giao thông và bản sắc đô thị

Trong *Hà Nội là Hà Nội*, Nguyễn Trương Quý không chỉ miêu tả sự biến đổi của không gian đô thị qua từng con phố, mà còn lột tả một cách sinh động những âm thanh và vật chất giao thông, chúng trở thành những mã văn hóa đặc trưng phản ánh nhịp sống và đặc điểm của Hà Nội trong quá trình đô thị hóa. Tiếng còi xe, vốn là

một biểu tượng của sự tắc nghẽn và vội vã, đã trở thành một phần không thể thiếu, là một phần của bản sắc đô thị, gắn liền với những thói quen, những cảm giác quen thuộc và đôi khi là sự chấp nhận của người dân đối với sự hỗn loạn của cuộc sống đô thị.

Cùng với tiếng còi, sự xuất hiện của xe máy, ô tô dày đặc và sự thay đổi trong cấu trúc vật chất của thành phố cũng tạo nên một lớp mã văn hóa đặc biệt. Ngày xưa, Hà Nội là nơi của những con phố nhỏ hẹp, xe đạp là phương tiện chủ yếu. Tuy nhiên, với sự phát triển mạnh mẽ của xe máy, ô tô, những hình ảnh này đã dần được thay thế. Nguyễn Trương Quý mô tả cảnh tượng tắc đường thường xuyên, khi hàng nghìn chiếc xe máy, ô tô nối đuôi nhau, tạo nên một sự ngột ngạt, bức bối nhưng lại vô cùng quen thuộc với người dân Hà Nội. “Phố là xe, xe là phố”, như một cách diễn đạt nhịp sống vội vã của cư dân thủ đô.

Ngoài âm thanh, không khí và môi trường vật lý của giao thông cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng bản sắc đô thị. Mùi nhiên liệu, bụi bặm từ các phương tiện giao thông hòa quyện vào không gian, trở thành một dấu ấn không thể tách rời. Trong tác phẩm, không khí Hà Nội dường như được định hình bởi sự hiện diện mạnh mẽ của các phương tiện giao thông, khiến cho cư dân phải chấp nhận sống chung với khói bụi, âm thanh inh ỏi và cảm giác ngột ngạt. Điều này không chỉ phản ánh sự thiếu thốn của không gian xanh mát, mà còn cho thấy một thực tế rằng người dân Hà Nội đã quen dần với sự ồn ào, tắc nghẽn, và bụi bặm của thành phố. Bức tranh sinh động về sự phát triển đô thị của Hà Nội, đầy hỗn loạn nhưng cũng đầy sức sống, nơi mà âm thanh, vật chất và mùi vị giao thông đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống của mỗi cư dân. Sự chuyển dịch này không chỉ là một yếu tố bên ngoài mà còn thể hiện sự thay đổi trong cảm giác không gian, nhịp sống và mức độ chấp nhận của cư dân đối với cuộc sống hiện đại.

2.4. Hành vi tham gia giao thông và chuyển biến trong ý thức cộng đồng

Nguyễn Trương Quý không chỉ khắc họa sự thay đổi trong không gian vật lý của thành phố mà còn đặc biệt chú trọng đến sự biến chuyển trong hành vi tham gia giao thông của cư dân, điều này phản ánh một phần sự suy giảm kỷ cương xã hội và thay đổi trong ý thức cộng đồng. Một trong những hiện tượng rõ nét nhất là việc vi phạm luật giao thông, vượt đèn đỏ, chen lấn và chạy ẩu đã trở thành những hành vi phổ biến, không còn là sự kiện hiếm hoi hay ngoại lệ trong cuộc sống đô thị. Những hành vi này không chỉ phản ánh thái độ bất chấp các quy định mà còn là dấu hiệu cho thấy sự thay đổi trong chuẩn mực ứng xử và ý thức cộng đồng của người dân Hà Nội.

Nguyễn Trương Quý mô tả những cảnh tượng tắc nghẽn, hỗn loạn khi các phương tiện chen chúc nhau, vượt đèn đỏ mà không hề ngần ngại. Cảnh tượng vượt đèn đỏ không chỉ là hành vi cá nhân mà đã trở thành một phần trong thói quen của nhiều người, nó như một biểu hiện của sự thiếu kiên nhẫn, vội vã và không tôn trọng các quy tắc chung. Nhiều người tham gia giao thông không còn tuân thủ các nguyên tắc đơn giản của việc chờ đèn xanh hay xếp hàng theo trật tự: Nhưng đi trên đường phố Hà Nội mạnh ai nấy vượt đến mức gặp tai nạn như cơm bữa, tôi bỗng ghen tị với chính tôi ngày xưa, với đám trẻ con mãi chơi, với đêm rằm của tuổi nhỏ ai cũng sẵn sàng chơi theo luật. Điều này phản ánh rõ ràng về sự suy giảm kỷ cương xã hội, khi mà không ít người chỉ tập trung vào lợi ích cá nhân và hạn chế vì cái chung, đến sự hài hòa xã hội.

Bên cạnh đó, Nguyễn Trương Quý còn chỉ ra rằng sự tham gia giao thông ngày càng thiếu tinh thần “công cộng” trong xã hội. Việc chen lấn, vượt qua các phương tiện khác, thậm chí là hành động cắt ngang các làn đường cũng đã trở thành một hình thức giao tiếp phổ biến trên các con phố. Trong quá khứ, người dân Hà Nội có thể tự hào về sự lễ phép, tôn trọng quy tắc ứng xử trong không gian công cộng, nhưng giờ đây, những hành động thiếu văn hóa, coi thường các quy định giao thông đã dần thay thế. Cảnh tượng những chiếc xe lấn đường, không chịu nhường nhau, khiến cho đường phố trở nên hỗn loạn và thiếu trật tự, phản ánh sự thay đổi trong ý

thức cộng đồng. Điều này cho thấy và cảnh báo nguy cơ sự thay đổi trong các chuẩn mực hành vi của người Hà Nội, giờ đây không còn coi trọng việc duy trì trật tự và kỷ cương giao thông như một phần của đời sống chung, mà thay vào đó là sự bàng quan, thậm chí là sự chấp nhận những hành vi thiếu văn minh của một bộ phận người ở Hà Nội. Từ đó, tác giả muốn nhấn mạnh rằng sự chuyển mình của Hà Nội không chỉ là một sự thay đổi về diện mạo đô thị mà còn là sự thay đổi sâu sắc trong tâm lý và thói quen ứng xử của cư dân, phản ánh sự suy yếu của các chuẩn mực xã hội và tinh thần cộng đồng trong đời sống hiện đại.

2.5. Giao thông dưới áp lực khủng hoảng

Trong “Hà Nội là Hà Nội” Nguyễn Trương Quý đã làm nổi bật những sự kiện ngập lụt và tê liệt giao thông như là những “thử thách” lớn đối với năng lực quản lý đô thị và bản lĩnh sinh tồn của cư dân Hà Nội. Những tình huống này không chỉ phản ánh những thiếu sót trong hệ thống hạ tầng giao thông, mà còn là cơ hội để nhìn nhận lại văn hóa đối phó, khả năng tương trợ lẫn nhau của cộng đồng trong những thời khắc “khủng hoảng”.

Khi ngập lụt xảy ra, giao thông trở nên tê liệt, các con phố bị nhấn chìm trong nước, khiến mọi phương tiện di chuyển gần như bất khả thi. Lúc này, người ta phải đối mặt với một bài toán khó, khi không chỉ phải vật lộn với hoàn cảnh thiên tai mà còn phải tìm cách duy trì sự sống và ổn định trong điều kiện đầy biến động, thử thách. Sự tắc nghẽn giao thông không chỉ phản ánh sự hạn chế trong công tác quản lý đô thị mà còn là một thử thách đối với bản lĩnh của người dân trong việc ứng phó với các tình huống khẩn cấp. Điều này thể hiện rõ nét khi người dân không còn chỉ trông chờ vào sự hỗ trợ từ chính quyền mà còn phải dựa vào sự đoàn kết, tương trợ lẫn nhau.

Nguyễn Trương Quý mô tả những hình ảnh người dân giúp đỡ nhau khi bị mắc kẹt trong nước lụt, chia sẻ thức ăn, nước uống, hay thậm chí là đưa nhau qua những đoạn đường ngập sâu. Đây là những phản ứng tự phát, xuất phát từ sự gắn kết cộng đồng mà không cần đến sự can thiệp của các cơ quan chức năng: *Nhiều người đã*

ngủ qua đêm trên xe bus. Vài hôm sau, tôi mới biết được xe bus được cư dân mạng ca ngợi như người hùng mua lút vì hình ảnh không quản ngại khó khăn và phục vụ bà con. Chính những khoảnh khắc này đã thể hiện được một phần trong “văn hóa” đối phó, ứng phó của người Hà Nội, trong đó, sự tương trợ lẫn nhau trở thành yếu tố quan trọng, giúp cư dân vượt qua những khó khăn, thách thức mà thành phố đối mặt.

3. Kết luận

Trong tập tản văn “Hà Nội là Hà Nội”, tác giả đã kiến tạo một cái nhìn sắc sảo và thấm đẫm chiều sâu văn hóa đối với hiện tượng giao thông, vốn thường bị xem như một phần “kỹ thuật” trong đời sống đô thị. Không dừng lại ở việc mô tả đơn thuần, tác giả đã tiếp cận giao thông như một “mã văn hóa”, nơi các chi tiết tưởng như nhỏ nhặt như tiếng còi xe, tình trạng tắc nghẽn, sự chen lấn trên đường, hay phản ứng của người dân trong tình huống ngập lụt, lại trở thành chất liệu để soi chiếu những chuyển biến lớn hơn trong cấu trúc xã hội và ý thức cộng đồng của cư dân đô thị.

Giao thông trong “Hà Nội là Hà Nội” hiện lên vừa như một hiện tượng sinh hoạt thường nhật, vừa là biểu tượng mang tính ẩn dụ cho những căng thẳng, khủng hoảng và nỗ lực thích nghi của Hà Nội trong tiến trình hiện đại hóa. Tác phẩm khắc họa giao thông không chỉ như hệ quả của quy hoạch hay hạ tầng, mà như một biểu hiện của văn hóa sống - nơi hội tụ của thói quen, tâm lý đám đông, cảm quan không gian và tinh thần công cộng. Thông qua đó, Nguyễn Trương Quý đã mở ra một cách nhìn mới về giao thông như một “tấm gương đô thị”, phản chiếu sâu sắc các giá trị, xung đột và những thay đổi trong văn hóa Hà Nội đương đại.

Giao thông như một mã văn hoá qua nghiên cứu “Hà Nội là Hà Nội” không chỉ mang ý nghĩa học thuật mà còn có tính ứng dụng cao trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý đô thị và truyền thông cộng đồng, góp phần thúc đẩy các dự án truyền thông sáng tạo, xây dựng các chiến dịch truyền thông mang tính chất nhân văn, lấy cư dân làm trung tâm, hướng đến một bản sắc đô thị thân thiện và bền vững hơn.